

GIẢI THÍCH PHẨM NĂM MƯỜI BẢY: TIM ĐÈN

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát chẳng thoái chuyển ấy thành tựu công đức lớn, thành tựu vô lượng công đức, vô biên công đức.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Bồ-tát chẳng thoái chuyển thành tựu công đức lớn thành tựu vô lượng vô biên công đức. Vì sao? Vì Bồ-tát chẳng thoái chuyển ấy được vô lượng, vô biên trí tuệ không chung cùng với hết thảy Thanh văn, Bích-chi Phật. Vì Bồ-tát chẳng thoái chuyển an trú trong trí tuệ ấy nên sanh bốn trí vô ngại, được bốn trí vô ngại ấy nên hết thảy thế gian người trời không thể biết cùng tận.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Phật luôn dùng nhiều kiếp như cát sông Hằng, tán thán các hành, loại, tướng mạo của Bồ-tát chẳng thoái chuyển. Bạch đức Thế Tôn! Có chỗ thâm áo gì Bồ-tát chẳng thoái chuyển an trú trong ấy mà khi tu sáu Ba-la-mật lại đầy đủ bốn niệm xứ, cho đến đầy đủ trí Nhất thiết chủng?

Phật khen Tu-bồ-đề rằng: Lành thay, lành thay! Tu-bồ-đề! Ông vì hàng Bồ-tát chẳng thoái chuyển hỏi chỗ thâm áo ấy. Nay Tu-bồ-đề! Chỗ thâm áo nghĩa nó là không, vô tướng, vô tác, không khởi, không sanh, không nhiễm, xa lìa, tịch diệt, như, pháp tánh, thật tế, Niết-bàn. Những pháp như vậy là nghĩa thâm áo.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Chỉ có “không” cho đến Niết-bàn là thâm áo, sắc cũng là thâm áo; thọ, tướng, hành, thức cũng thâm áo; mắt cho đến ý cũng thâm áo, chẳng phải hết thảy pháp thâm áo ư?

Phật dạy: Hết thảy pháp cũng là thâm áo, sắc cũng là thâm áo, thọ, tướng, hành, thức cũng thâm áo; mắt cho đến ý cũng thâm áo; sắc cho đến pháp, nhãn giới cho đến ý thức giới, thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, bốn niệm xứ cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng thâm áo.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là sắc thâm áo cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng thâm áo?

Phật dạy: Vì như cửa sắc thâm áo nên sắc thâm áo; vì như cửa thọ, tướng, hành, thức cho đến như cửa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thâm áo nên Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thâm áo.

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là như cửa sắc thâm áo cho đến như cửa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thâm áo.

Nay Tu-bồ-đề! Như cửa sắc chẳng phải là sắc, chẳng phải lìa sắc, cho đến như cửa thức chẳng phải là thức, chẳng phải là lìa thức; cho đến như cửa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác “như” chẳng phải là Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng phải là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Hy hữu thay! Bạch đức Thế Tôn! Do lực phương tiện vi diệu nên làm cho Bồ-tát chẳng thoái chuyển, lia sắc an trú Niết-bàn, lia thọ, tưởng, hành, thức an trú Niết-bàn, lia hết thủy pháp, hoặc thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc có phiền não, hoặc không phiền não, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu mà an trú Niết-bàn.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Tu-bồ-đề, Phật do lực phương tiện vi diệu, nên làm cho Bồ-tát chẳng thoái chuyển, lia sắc an trú Niết-bàn, cho đến lia hữu lậu, vô lậu pháp mà an trú Niết-bàn. Nay Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát quán sát, so lường, tư duy pháp thậm thâm tương ứng với Bát-nhã Ba-la-mật như vậy mà nghĩ rằng: “Ta nên tu như vậy, như trong Bát-nhã Ba-la-mật dạy, ta nên tập như vậy như trong Bát-nhã Ba-la-mật nói”. Thì này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát làm được như kinh nói, học được như kinh nói, như trong Bát-nhã Ba-la-mật mà quán sát, tinh tấn đầy đủ, thì khi một niệm sanh ra sẽ được vô lượng, vô biên, vô số phước đức, Bồ-tát ấy vượt qua vô lượng kiếp được gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; huống gì thường tu Bát-nhã Ba-la-mật ứng hợp với tâm niệm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thí như người nhiều dâm dục, ước hẹn với người nữ đoan chánh, thanh khiết, người nữ ấy bị trở ngại không đến đúng kỳ hẹn. Ý Tu-bồ-đề nghĩ sao? Tâm niệm người ấy bấy giờ để vào chỗ nào?

- Bạch đức Thế Tôn! Tâm niệm người ấy để chỗ người nữ kia, thường nghĩ tưởng đến tương lai sẽ cùng ngồi nằm hoan lạc với người nữ.

Này Tu-bồ-đề! Người ấy trong một ngày một đêm có bao nhiêu niệm sanh khởi?

Tu-bồ-đề thưa: Người ấy trong một ngày một đêm có rất nhiều niệm sanh khởi.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát niệm Bát-nhã Ba-la-mật đúng như trong Bát-nhã Ba-la-mật nói, tu đạo ấy trong khoảng một niệm vượt quá kiếp số, cũng như số tâm niệm trong một ngày một đêm của người kia. Bồ-tát ấy tu Bát-nhã Ba-la-mật xa lia các tội, là xa lia các tội đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát ấy tu Bát-nhã Ba-la-mật, trong một ngày được công đức thiện căn, giả sử các công đức khác chứa đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới nhiều như cát sông Hằng vẫn cũng không giảm, đối với các công đức tàn dư trăm phần không kịp một, ngàn phần ngàn ức vạn phần cho đến toán số, thí dụ cũng không thể kịp.

LUẬN: Tu-bồ-đề khi nghe nói tương chẳng thoái chuyển, và công đức chẳng thoái chuyển tâm rất vui mừng tán thán công đức chẳng thoái chuyển, nên bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Bạch chẳng thoái chuyển thành tựu công đức vô lượng vô biên”. Phật chấp nhận

lời khen đó, lại tự nói nhân duyên của công đức lớn ấy chính là Bồ-tát chẳng thoái chuyển, được vô lượng vô biên trí tuệ không đi chung với Thanh văn, Bích-chi Phật; cần phải trước biết rồi sau làm, làm xong hưởng công đức ấy. Vì thế nói nhân duyên của công đức là do nơi trí tuệ vô lượng, vô biên. Trí tuệ là Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát an trú trong Bát-nhã Ba-la-mật ấy, hay sanh ra bốn trí vô ngại: Đối với thật nghĩa hết thấy pháp, trí tuệ không chướng ngại, đã biết nghĩa vô ngại rồi, phân biệt mỗi mỗi danh tự các pháp, vì nó biểu thuyết thật nghĩa nên gọi là pháp vô ngại; danh tự ấy phải do ngôn ngữ, do ngôn ngữ nên phát xuất các danh tự ấy gọi là từ vô ngại; được pháp vô ngại và từ vô ngại nên ưa nói thật nghĩa các pháp, ấy gọi là nhạo thuyết vô ngại. Bồ-tát an trú trong bốn trí vô ngại, hết thấy chúng sanh vẫn nạn không thể làm cùng kiệt, như nước biển lớn không thể khô kiệt.

Tu-bồ-đề nghe Phật dạy đầy đủ tướng chẳng thoái chuyển ở trong hai phẩm trên. Nay vào phẩm này Phật mới mở cửa bốn vô ngại, lại muốn nói tướng chẳng thoái chuyển. Thế nên Tu-bồ-đề tán thán Phật: Thế Tôn có trí tuệ vô lượng, vô biên, công đức chẳng thoái chuyển cũng vô lượng, vô biên. Nếu Phật trải qua kiếp số như cát sông Hằng vui nói cũng không thể cùng tận, tướng mạo chẳng thoái chuyển cũng không thể cùng tận.

Bạch đức Thế Tôn! Những gì là chỗ thâm áo của bậc chẳng thoái chuyển? Bồ-tát chẳng thoái chuyển, an trú chỗ thâm áo ấy thì có thể đầy đủ sáu Ba-la-mật, bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng?

Phật khen Tu-bồ-đề: Ông có thể vì Bồ-tát chẳng thoái chuyển hỏi nghĩa thâm áo. Nay Tu-bồ-đề! “không, cho đến Niết-bàn” ấy gọi là thâm áo.

Hỏi: Có những pháp mỗi mỗi phân biệt tỉ mỉ, vì người ta không hiểu nên có thâm áo, còn “không”, không có gì của chính nó, lấy gì làm thâm áo?

Đáp: Chẳng phải miệng nói thẳng danh tự nên “không”, mà cốt phân biệt, giải thích các tướng “hữu”, bên trong không thấy có ngã, bên ngoài không thấy thực pháp nhất định; được cái “không” ấy rồi, xem hết thấy pháp tướng đều là hư dối, có lỗi lầm, nếu diệt các tướng lại không nguyện sanh vào ba cõi thì cái “không” này là cái “không” do đặc đạo, chẳng phải miệng nói không, thế nên nói thâm áo.

Lại nữa, không lại cũng không, nếu chấp trước cái không ấy thì có lỗi lầm, chẳng gọi là thâm áo; nếu cái không phát xuất từ sự phá tà kiến chấp có, ấy là thâm áo; nếu đối với không cũng không chấp trước không, nên cũng là thâm áo. Lại nữa, quán năm uẩn sanh diệt, phá diên đảo chấp thường; quán rốt ráo không, phá chấp tướng sanh diệt. Vì sao? Vì trong “không” không có vô thường, không có sanh diệt. Không có sanh diệt có hai thứ: 1. Người tà kiến cho thế gian thường có nên không có

sanh diệt; 2. Vì phá chấp tướng sanh diệt nên nói không có sanh diệt. Trong đây phá chấp tướng sanh diệt, cũng không chấp tướng chẳng sanh, chẳng diệt, nên gọi là thâm áo. Các phiền não khó trừ nên nói sự lìa dục được tịch tịnh là thâm áo, vì sai lầm dễ, chân thật khó. Như như, pháp tánh, thực tế là Niết-bàn thâm áo, vì các Phạm thiên và chín mươi sáu thứ ngoại đạo không thể hiểu kịp nên gọi là thâm áo. Lại trong Niết-bàn, hết thấy người đắc đạo nhập vào vĩnh viễn không ra, cho nên thâm áo.

Hỏi: Trong đây nói “không” v.v... là thâm áo, ấy là “không” gì?

Đáp: Có người nói ba Tam-muội không, vô tướng, vô tác, tâm số pháp gọi là “không”, vì “không” nên quán các pháp “không”. Có người nói: “Sắc Sở duyên bên ngoài đều “không” duyên cái ngoại không ấy nên gọi là “không Tam-muội”. Trong đây Phật nói: Chẳng vì không Tam-muội nên không, cũng chẳng vì sắc sở duyên bên ngoài nên không. Vì sao? Vì nếu sắc bên ngoài chẳng thực “không”, do sức Tam-muội làm cho không nên “không”, thì cái không ấy hư dối chẳng thật. Nếu duyên cái ngoại không nên sanh tam-muội thế cũng chẳng phải. Vì sao? Vì nếu sắc pháp v.v... thật là tướng “không” thì chẳng sanh không tam-muội. Nếu sanh không tam-muội thì chẳng phải là không. Trong đây nói lìa hai bên ấy mà nói trung đạo, nghĩa là các pháp nhân duyên hòa hợp sanh, pháp hòa hợp ấy không có tướng nhất định nên “không”. Vì sao? Vì pháp nhân duyên sanh không có tự tánh, vì không tự tánh nên tức là rốt ráo không. Rốt ráo không ấy từ xưa đến nay vốn “không”, chẳng phải Phật làm, cũng chẳng phải người khác làm; chư Phật vì chúng sanh khả độ nên nói tướng rốt ráo không. Tướng “không” là thực thể của hết thấy pháp, không như bên trong, bên ngoài mà có. Tướng không có nhiều danh tự gọi là vô tướng, vô tác, tịch diệt, ly, Niết-bàn v.v...

Tu-bồ-đề biết các Bồ-tát lợi căn đắm sâu vào Niết-bàn, vì Bồ-tát ấy nên hỏi Phật: Chỉ có Niết-bàn thậm thâm còn các pháp khác không thậm thâm ư?

Phật đáp: Chân chánh quán sát sắc mà được Niết-bàn, các pháp sắc v.v... như Niết-bàn nên thậm thâm, thế nên trong Kinh nói: Ví như cửa sắc v.v... nên thậm thâm, như cửa sắc v.v... tức là chính quán.

Tu-bồ-đề hỏi: Thế nào là vì như cửa sắc nên sắc thậm thâm?

Trong đây Phật tự nói nhân duyên của thậm thâm: Như chẳng là sắc, chẳng phải lìa sắc. Thí như lấy bùn làm bình, bùn chẳng phải là bình, chẳng lìa bùn có bình, cũng không được nói không có bình.

Tu-bồ-đề biết pháp nhân duyên ấy thậm thâm như biển cả không có đáy nên tán thán rằng: Hy hữu thay Thế Tôn! Phật dùng lực phương tiện vi diệu làm cho các Bồ-tát lìa sắc v.v... mà an trú Niết-bàn, cũng không chấp đắm Niết-bàn, cũng không ở thế gian, ấy là lực phương tiện vi diệu.

Phật chấp nhận lời ấy, khen Bồ-tát thực hành thật tướng các pháp

được quả báo phước đức, bảo Tu-bồ-đề: “Quán sát, so lường pháp thậm thâm tương ứng với Bát-nhã như vậy, khi một niệm sanh khởi, liền được vô lượng, vô biên, vô số phước đức”.

Hỏi: Pháp vô lậu của hàng Nhị thừa còn không có quả báo phước đức, huống gì Đại thừa do rốt ráo không mà quán pháp lại được vô lượng phước đức, mà chính phước đức ấy từ tâm đại bi thương xót chúng sanh phát khởi, như tội do não hại chúng sanh mà có?

Đáp: Trong tâm vô lậu của hàng Nhị thừa phiền não sạch hết, nên không có quả báo, phước đức, còn Bồ-tát phiền não chưa hết, nên phải có phước đức quả báo.

Lại nữa, Nhị thừa chứng đắc đối với thực tế nên đốt cháy hết các công đức; Bồ-tát chẳng chứng lại sanh trở lại để độ sanh, nên có phước đức.

Lại nữa, người ta có sai lầm đối với sự thật nên phước đức ít. Chánh tu hành thật sự nên phước đức nhiều, như thí cho súc sanh được phước gấp trăm, thí cho người ác được phước gấp ngàn, thí cho người lành được phước gấp mười vạn, thí cho người ly dục được phước gấp mười ức vạn, thí cho bậc Thánh Tu-đà-hoàn v.v... được phước vô lượng. Người phạm phu, tuy lìa dục, thực hành tâm từ bi, vì không được thực tướng của pháp nên không được làm ruộng phước vô lượng; Tu-đà-hoàn tuy chưa ly dục, vì phân biệt được thực tướng của pháp nên thành phước điền vô lượng. Ngộ được thực tướng các pháp có sâu, có cạn, thế nên Bồ-tát vì thâm nhập thật tướng nên chỉ trong một khởi niệm được phước đức vô lượng vô biên. Trong đây vì mỗi niệm, mỗi niệm phước đức rất nhiều nên nói thí dụ: Tâm chúng sanh tuy niệm niệm sanh diệt, nhưng vì tương tục sanh nên không biết diệt theo. Như người dầm dục tâm đắm sâu điều dục lạc, vì không thỏa tình nên sanh tâm nhớ nghĩ, thủ tướng, mỗi mỗi phân biệt tìm lý do vì sao không đến, hoặc vì người con gái đổi lòng mà không đến, hoặc bị người ngăn trở mà không đến. Sanh tâm giác quán nhiều như vậy, tâm ấy dễ biết, nên dùng làm ví dụ. Như vậy, là nhân duyên chỉ trong một niệm mà sự việc đã qua một kiếp; lại như người uống thuốc yếu, một năm mới lành bệnh, uống thuốc mạnh một ngày có thể lành. Bồ-tát cũng như vậy, tu năm Ba-la-mật lâu ngày mới thành Phật. Có người tu Bát-nhã Ba-la-mật mau được thành Phật.

Lại nữa, công đức của một ngày tu Bát-nhã Ba-la-mật, giả sử có hình chất đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới số như cát sông Hằng, thì đối với thực thể của chánh công đức trong một ngày còn không giảm thua, đối với phước đức ấy trăm phần không sánh kịp, cho đến toán số, thí dụ cũng không thể kịp.

KINH: Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật mà bố thí Tam bảo, Phật bảo, Pháp bảo, Tỳ-kheo Tăng bảo trải số kiếp

như cát sông Hằng thì ý ông nghĩ sao, Bồ-tát ấy do nhân duyên ấy được phước nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều, vô lượng, vô biên, vô số.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Chẳng bằng Bồ Bồ-tát ở trong Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm, một ngày tu hành đúng như kinh nói, được phước đức rất nhiều. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật là Bồ-tát đạo, nương đạo ấy mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật mà cúng dường Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật trái số kiếp như cát sông Hằng thì ý ông nghĩ sao, Bồ-tát ấy, do nhân duyên ấy được phước nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật dạy: Chẳng bằng Bồ-tát tu hành đúng như Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm trong một ngày, được phước rất nhiều. Vì sao? Vì Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật vượt quá Thanh văn, Bích-chi Phật địa, vào Bồ-tát vị, dần dần chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật mà tu Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, trí tuệ trái số kiếp như cát sông Hằng, ý ông nghĩ sao, Bồ-tát ấy do nhân duyên ấy được phước nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật dạy: Chẳng bằng Bồ-tát tu hành đúng như Bát-nhã Ba-la-mật dạy, một ngày tu Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ được phước rất nhiều; vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật là mẹ của Bồ-tát, Bát-nhã Ba-la-mật hay sanh các Bồ-tát, các Bồ-tát trú trong Bát-nhã Ba-la-mật hay đầy đủ hết thấy Phật pháp.

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật, tu pháp Thí trái số kiếp như cát sông Hằng thì ý ông nghĩ sao, Bồ-tát ấy được phước nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Rất nhiều.

Phật dạy: Chẳng bằng Bồ-tát tu hành đúng như Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm dạy, cho đến pháp Thí trong một ngày được phước rất nhiều. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy không xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật thì không xa lìa trí Nhất thiết chủng; không xa lìa trí Nhất thiết chủng thì không xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật. Vì thế Bồ-tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không nên xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật trái số kiếp như cát sông Hằng mà tu Bốn niệm xứ, cho đến Tám thánh đạo phần, nội không

cho đến trí Nhất thiết chủng thì ý ông nghĩ sao, Bồ-tát ấy được phước nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều! Phật dạy: Chẳng bằng Bồ-tát đúng như Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm dạy, trong một ngày tu Bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng, được phước rất nhiều. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát không xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật mà lay chuyển đối với trí Nhất thiết chủng, thì không có lẽ ấy. Nếu Bồ-tát xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật mà đối với trí Nhất thiết chủng lay chuyển, thì có lẽ ấy. Vì lẽ ấy nên Bồ-tát thường không nên xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật mà tu hành.

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật trải số kiếp như cát sông Hằng, tu tài thí, pháp thí và thiền định, có được phước đức đem hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì ý ông nghĩ sao, Bồ-tát ấy được phước nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều, rất nhiều!

Phật dạy: Chẳng bằng Bồ-tát đúng như Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm dạy, tu hành tài thí, pháp thí, thiền định trong một ngày có được phước đức đem hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được phước rất nhiều. Vì sao? Vì đây là cách hồi hướng đệ nhất, nghĩa là Bát-nhã Ba-la-mật hồi hướng; nếu xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật mà hồi hướng, thì không gọi là hồi hướng. Vì vậy, nên Bồ-tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên phương tiện học Bát-nhã Ba-la-mật hồi hướng.

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật mà hòa hợp các thiện căn có được của chư Phật và đệ tử Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, sống lâu nhiều kiếp như cát sông Hằng để tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì ý ông nghĩ sao, Bồ-tát ấy được phước nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều! Phật dạy: Chẳng bằng Bồ-tát đúng như Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm chỉ dạy mà tu hành cho đến chỉ một ngày, tùy hỷ đem thiện căn hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì được phước đức rất nhiều. Vì vậy Bồ-tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên học Bát-nhã Ba-la-mật và phương tiện hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Như lời Phật dạy: Pháp do nhân duyên sanh khởi, đều từ vọng tưởng sanh, chẳng phải thật, làm sao Bồ-tát được phước đức lớn? Bạch đức Thế Tôn! Dùng pháp nhân duyên sanh khởi lẽ đáng không thể được chánh kiến, vào pháp vị, lẽ đáng không thể được quả Tu-đà-hoàn cho đến Vô thượng Chánh đẳng

Chánh giác.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Tu-bồ-đề! Dùng pháp do nhân duyên sanh khởi ấy lẽ đáng không được chánh kiến, vào pháp vị, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật biết pháp do nhân duyên sanh khởi cũng không, không bền chắc, hư dối, không thật. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy khéo học nội không, cho đến khéo học vô pháp hữu pháp không. Bồ-tát ấy an trụ mười tám không ấy, mỗi mỗi quán sát pháp có tạo tác đều không, tức không xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật. nếu Bồ-tát như vậy dần dần không xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật, dần dần được vô lượng, vô số, vô biên phước đức.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Vô số, vô lượng, vô biên có gì khác nhau?

Tu-bồ-đề! Vô số là không rơi vào số đếm hoặc trong tánh hữu vi, hoặc trong tánh vô vi. Vô lượng là cân lường không thể được hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại. Vô biên là biên giới các pháp không thể có được.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Vả chẳng sắc cũng vô số, vô lượng, vô biên? Vả chẳng thọ, tưởng, hành, thức cũng vô số, vô lượng, vô biên?

Này Tu-bồ-đề! Có nhân duyên khiến sắc cũng vô số, vô lượng, vô biên; thọ, tưởng, hành, thức cũng vô số, vô lượng, vô biên.

Bạch đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì nên sắc cũng vô số, vô lượng, vô biên? Thọ, tưởng, hành, thức cũng vô số, vô lượng, vô biên?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Vì sắc không nên vô số, vô lượng, vô biên; vì thọ, tưởng, hành, thức không nên vô số, vô lượng, vô biên.

Bạch đức Thế Tôn! Chỉ sắc không, thọ, tưởng, hành, thức không; chẳng phải hết thảy pháp không ư?

Này Tu-bồ-đề! Ta chẳng từng nói hết thảy pháp không ư.

Bạch đức Thế Tôn! Nói hết thảy pháp không mà các pháp không tức là không thể cùng tận; vô số, vô lượng, vô biên. Trong “không”, số đếm không thể có được, lượng không thể có được, biên không thể có được. Do vậy, nên nghĩa không thể cùng tận, vô lượng, vô số, vô biên không có khác nhau.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Pháp nghĩa ấy không có khác biệt, pháp ấy không thể nói, Phật dùng sức phương tiện nên phân biệt nói, đó là không thể cùng tận, vô lượng, vô số, vô biên vô trước; không, vô tướng, vô tác, vô khởi, vô sanh, vô diệt, vô nhiễm, Niết-bàn. Đó là Phật mỗi mỗi dùng sức phương tiện nói.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Hy hữu! Bạch đức Thế Tôn! Thật tướng các pháp không thể nói mà Phật dùng sức phương tiện để nói. Như con hiểu nghĩa của Phật nói, hết thấy pháp cũng không thể nói.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Tu-bồ-đề! Hết thấy pháp không thể nói, tướng hết thấy pháp không thể nói tức là không. Không ấy không thể nói.

Bạch đức Thế Tôn! nghĩa của không thể nói có thêm, có bớt chăng?

Phật dạy: Không, Tu-bồ-đề! Nghĩa của không thể nói không thêm, không bớt.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu nghĩa của không thể nói không thêm, không bớt, thì Thí Ba-la-mật cũng sẽ không thêm không bớt, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật cũng sẽ không thêm không bớt; Bốn niệm xứ cho đến Tám thánh đạo phần cũng sẽ không thêm không bớt; Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc, Năm thần thông, Tám bội xả, Tám thắng xứ, Chín định thứ đệ, Mười trí lực Phật, Bốn điều không sợ, Bốn trí vô ngại, Mười tám pháp không chung của Phật cũng sẽ không thêm không bớt. Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát tu sáu Ba-la-mật không thêm cho đến Mười tám pháp không chung không thêm, không bớt thì làm sao Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Tu-bồ-đề! Nghĩa của không thể nói không thêm, không bớt. Bồ-tát tập hành Bát-nhã Ba-la-mật, vì có sức phương tiện nên nghĩ rằng: Ta tăng thêm Bát-nhã Ba-la-mật cho đến tăng thêm Thí Ba-la-mật. Lại sẽ nghĩ rằng: Chỉ có danh tự nên gọi là Thí Ba-la-mật. Bồ-tát khi tu Thí Ba-la-mật, đem tâm ấy và thiện căn đúng như tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà hồi hướng; cho đến khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, đem tâm ấy và thiện căn đúng như tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hồi hướng.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật dạy: Tướng như của hết thấy pháp ấy là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là tướng như của hết thấy pháp ấy là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Tướng như của sắc, tướng như của thọ, tướng, hành, thức, cho đến tướng như của Niết-bàn là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; tướng như ấy cũng chẳng thêm chẳng bớt. Nay Tu-bồ-đề! Bồ-tát không lìa Bát-nhã Ba-la-mật, thường quán tướng như ấy, không

thấy có thêm có bớt, vì nhân duyên ấy nên nghĩa của không thể nói không thêm không bớt, Thí Ba-la-mật cũng không thêm không bớt, cho đến mười tám pháp không chung cũng không thêm không bớt. Nay Tu-bồ-đề! Bồ-tát vì pháp không thêm không bớt ấy, nên tu Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Lìa Bát-nhã Ba-la-mật mà cúng dường Tam bảo, trải kiếp số như cát sông Hằng, không bằng một ngày tu Bát-nhã. Lại có người sống lâu nhiều kiếp số như cát sông Hằng cúng dường Tu-đà-hoàn v.v... cũng không bằng một ngày tu Bát-nhã. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bồ-tát tu Bát-nhã vượt quá Nhị thừa vào Bồ-tát vị, thành Vô thượng đạo. Lại xa lìa Bát-nhã, tu sáu Ba-la-mật trải kiếp số như cát sông Hằng, chẳng bằng một ngày đúng như lời dạy, an trú trong Bát-nhã, tu sáu Ba-la-mật. Trong đây nói nhân duyên vì sao hơn. Vì Bát-nhã là mẹ chư Phật, an trú trong Bát-nhã là có thể đầy đủ các pháp của chư Phật. Đó là nói về tài thí. Nếu xa lìa Bát-nhã mà thực hành pháp thí trải kiếp số như cát sông Hằng, chẳng bằng một ngày an trú trong Bát-nhã thực hành pháp thí.

Lại nữa, xa lìa Bát-nhã mà theo pháp Thanh văn, Bích-chi Phật, tu hành Tứ niệm xứ, trải kiếp số như cát sông Hằng chẳng bằng một ngày đúng như lời dạy an trú trong Bát-nhã, tu Tứ niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng. Trong đây nói lý do hơn là vì không xa lìa Bát-nhã, mà bị lay chuyển đối với Nhất thiết trí là không có lẽ ấy.

Lại nữa, Bồ-tát lìa Bát-nhã mà tài thí, pháp thí, thiên định trải qua kiếp số như cát sông Hằng có được phước đức rồi hồi hướng Vô thượng đạo, chẳng bằng một ngày ấn hợp với Bát-nhã mà tài thí, pháp thí, thiên định sanh phước đức rồi hồi hướng Vô thượng đạo. Vì sao? Vì Bát-nhã không có độc hại xen tạp, nên chính hồi hướng vậy.

Lại nữa, nếu Bồ-tát xa lìa Bát-nhã mà sống lâu nhiều kiếp số như cát sông Hằng, tùy hỷ với công đức chư Phật ba đời mười phương, hồi hướng đến Vô thượng đạo, chẳng bằng một ngày ấn hợp với Bát-nhã mà tùy hỷ hồi hướng.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề gạn hỏi Phật: “Như Phật dạy hết thảy pháp hữu vi như huyễn, hư dối không thật, không thể sanh chánh kiến, vào chánh vị, làm sao Bồ-tát phước đức tu trong một ngày mà hơn được?” Phật chấp nhận lời ấy rằng: Đúng vậy, đúng vậy! Pháp hữu vi đều hư dối, không được dùng pháp hư dối để vào chánh vị, được chánh đạo. Bồ-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, có được phước đức biết nó đều hư dối, trống không, không bền chắc, tâm không đắm trước phước đức ấy, phước đức

ấy thanh tịnh, nên hơn phước đức khác như kim cương tuy nhỏ có thể đục phá núi lớn. Trong đây Phật dạy Bồ-tát khéo học mười tám không, tuy quán không mà có thể thật hành các công đức; tuy biết Niết-bàn Vô thượng đạo mà vì thương xót chúng sanh nên tu tập phước đức; tuy biết hết thấy pháp tướng chẳng thể nói mà vì chúng sanh mỗi mỗi phương tiện thuyết pháp; tuy biết trong pháp tánh. Nhất tướng vô tướng không có phân biệt mà vì chúng sanh phân biệt thiện bất thiện, khả hành, bất khả hành, thủ, xả, lợi, thất v.v... Nếu Bồ-tát tuy quán rốt ráo không, mà vẫn có thể làm các phước đức, ấy gọi là tu hành không lìa Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu Bồ-tát thường không xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật, thì dần dần được vô số, vô lượng, vô biên công đức. Vì sao? Vì nếu khi Bồ-tát mới học Bát-nhã sức phiền não còn mạnh, sức Bát-nhã còn yếu, dần dần được sức Bát-nhã, dứt các phiền não, diệt các hý luận. Thế nên được phước đức vô số vô lượng vô biên”. Phật tự phân biệt nói vô số là không rơi vào trong tánh hữu vi, hoặc tánh vô vi; cân lường ba đời không thể có được nên gọi là vô lượng; ranh giới mười phương cũng không thể có được nên gọi là vô biên.

Tu-bồ-đề hỏi Phật: Có thể có nhân duyên mà năm uẩn cũng vô số, vô lượng, vô biên ư?

Phật đáp: Có, do năm uẩn “không” nên cũng vô số, vô lượng, vô biên.

Tu-bồ-đề thưa: Chỉ có năm uẩn “không” chứ chẳng phải hết thấy pháp không ư?

Phật đáp: Hết thấy pháp không.

Tu-bồ-đề thưa: Pháp không ấy tức không thể cùng tận, không thể cùng tận tức là vô số, vô số tức là vô lượng, vô lượng tức là vô biên; thế nên trong “không” ấy sự cùng tận không thể có được, nên gọi là vô tận; số đếm không thể có được nên gọi là vô số; sự cân lường không thể có được nên gọi là vô lượng; biên giới không thể có được nên gọi là vô biên. Bốn việc ấy danh tuy khác mà nghĩa đồng, nghĩa là đồng rốt ráo “không”.

Phật chấp nhận lời ấy rằng: “Đúng như vậy”. Lại tự nói nhân duyên: “Tướng pháp không ấy chẳng thể nói, nếu có thể nói thì chẳng gọi là không”. Phật vì tâm đại từ bi thương xót chúng sanh nên phương tiện nói ra, miễn cưỡng nói ra danh tự, ngôn ngữ để khiến chúng sanh được hiểu. Chữ “không” hoặc nói là không thể cùng tận, vô số, vô lượng, vô biên v.v... thật tướng ấy không sanh, không tác, nên nói là không cùng tận, các bậc thánh khi ngộ được thật tướng các pháp, vào Vô dư Niết-bàn,

không rơi vào trong số sáu đường; pháp thật tướng ấy cũng không rơi vào trong số các pháp hữu vi, vô vi, thế nên gọi là vô số; chữ “Lượng” là dùng trí tuệ cân lường tốt xấu, nhiều ít, lớn nhỏ, phải trái; ở trong thật tướng các pháp, vì dứt hết các tướng ấy nên gọi là vô lượng. Thật tướng các pháp không thể lường nên gọi là vô biên. Thật tướng các pháp vốn tịch diệt nên gọi là vô trước. Trong thật tướng các pháp, tướng ngã và ngã sở nhất định không thể có được nên nói là không. Vì “không” nên vô tướng, vô tướng thì không tác, không khởi. Vì pháp ấy thường trú không hoại nên vô sanh vô diệt. Vì pháp ấy dứt được ô nhiễm của ba cõi nên gọi là không nhiễm, vì pháp ấy không dết nên nghiệp phiền não nên gọi là Niết-bàn. Như vậy có vô lượng danh tự theo mỗi mỗi nhân duyên nói thật tướng các pháp.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: “Hy hữu thay! Thật tướng các pháp tuy không thể nói mà Phật dùng sức phương tiện để nói. Như con hiểu nghĩa Phật dạy, chẳng phải chỉ có thật tướng không thể nói mà hết thảy các pháp cũng không thể nói”. Phật chấp nhận lời ấy và nói nhân duyên: “Hết thảy pháp rốt cục trở về “không”, vì trở về “không” nên không thể nói, nghĩa của không thể nói tức là không thêm, không bớt. Nếu hết thảy pháp không thêm không bớt thì sáu Ba-la-mật và các thiện pháp cũng không thêm không bớt”.

- “Nếu sáu Ba-la-mật và các thiện pháp không thêm thì làm sao được Vô thượng đạo?”

Phật chấp nhận lời đó và nói nhân duyên: “Pháp tuy không thêm, bớt mà có thể được Vô thượng đạo nghĩa là vị Bồ-tát tập hành Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện, nên tuy tu các pháp trợ đạo như Thí Ba-la-mật nhưng nhờ dứt ngã, ngã sở và kiêu mạn nên không nghĩ rằng ta tăng trưởng được sáu Ba-la-mật, không chấp thủ tướng trong, tướng ngoài, tu các thiện pháp đúng như tướng Vô thượng đạo mà hồi hướng.

Tu-bồ-đề hỏi: “Thế nào là Vô thượng đạo?”

Phật đáp: “Các pháp “như” là Vô thượng đạo”.

Tu-bồ-đề hỏi: “Những gì là hết thảy pháp?”

Phật đáp: “Sắc pháp v.v... cho đến Niết-bàn. Tướng “như” tịch diệt của các pháp ấy là tướng Vô thượng đạo. Tịch diệt là không thêm, không bớt, không cao, không hạ, diệt các phiền não, hý luận, không động, không hoại, không bị chướng ngại. Bồ-tát do Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện nên có thể làm cho bố thí đồng như tướng tịch diệt”. Có các nhân duyên như vậy nói về tướng Vô thượng đạo. Nếu Bồ-tát thường nghĩ đến tướng Vô thượng đạo tịch diệt thì làm cho hết thảy

pháp đều đồng tướng tịch diệt, cũng quán sát nghĩa bất khả thuyết là tướng chẳng thêm chẳng bớt; Bồ-tát như vậy mau được Vô thượng đạo, vì không thêm không bớt, không thể thủ đắc.

⑨